

Số: 2910 /QĐ-UBND

An Giang, ngày 24 tháng 6 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ  
lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2839/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3997/TTr-SKHCN ngày 21 tháng 6 năm 2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang (gồm: 03 TTHC mới ban hành; 05 TTHC bị bãi bỏ).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ thủ tục hành chính thứ tự số 1, 2, 3, 9, 10 Mục II Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện.

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này và cung cấp, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, hnquan.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Phong**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ  
LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

| STT | Mã TTHC  | Tên thủ tục hành chính                                                   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                             | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 1.115184 | Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao (địa phương) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn: 06 ngày làm việc (bao gồm 05 ngày khắc phục và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ).</li> <li>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 08 ngày làm việc không tính thời gian xin gia hạn (gồm 07 ngày bổ sung hồ sơ từ ngày tiếp nhận và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a>;</li> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</li> </ul> | Không                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15.</li> <li>- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ.</li> </ul> |

|   |          |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                               |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---|----------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |          |                                                           | - Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                               |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 2 | 1.115185 | Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp lần đầu (địa phương) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở, thời gian khắc phục và đánh giá lại (nếu có).</li> <li>- Trường hợp tổ chức chứng nhận phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a></li> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</li> </ul> | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15.</li> <li>- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ.</li> </ul> |
| 3 | 1.115186 | Đăng ký thay đổi, bổ sung Quyết định                      | a) Trường hợp thay đổi, bổ sung, thu hẹp phạm vi, lĩnh vực được chỉ định:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | - Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a>                                                                                                                                                                   | Không | - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12.                                                                                                                                                                                                                             |

|  |  |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                          |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|--|--|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <p>chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (địa phương)</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở, thời gian khắc phục và đánh giá lại (nếu có).</li> <li>- Trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế.</li> </ul> <p>b) Trường hợp tổ chức chứng nhận có Quyết định chỉ định còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức:</p> <p>05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời và nêu rõ lý do.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</li> </ul> |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15.</li> <li>- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</li> </ul> |
|--|--|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

| STT | Mã TTHC  | Tên thủ tục hành chính                                                                      | Căn cứ VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC                  |
|-----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | 2.001259 | Kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu                 | Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ |
| 2   | 1.001392 | Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu                                     | Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ |
| 3   | 2.001208 | Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận | Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ |
| 4   | 2.001100 | Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định                       | Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ |
| 5   | 2.001501 | Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp.                                    | Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ |